

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯM'GAR
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 24-5-2023

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯM'GAR

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thiên Lý

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Duy Thanh; 2. Bà Bùi Thị Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyệt – Là thư ký Tòa án nhân dân huyện CưM'gar.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CưM'gar tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Châu – Kiểm sát viên

Trong ngày 24 tháng 5 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện CưM'gar, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 453/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/4/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2023/QĐST-HNGĐ ngày 04/5/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bàn Thị Bích C, sinh năm 1983 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 5, xã C, huyện C, tỉnh Đắk Lắk

- Bị đơn: Anh Đặng Quang T, sinh năm 1984 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn H, xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 12/9/2022 và quá trình tố tụng nguyên đơn chị Bàn Thị Bích C trình bày:

Chị và anh Đặng Quang T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn năm 2009 tại UBND xã C, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng sau đó thường xuyên phát sinh mâu thuẫn và cãi nhau do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống về nhiều mặt, vợ chồng nhiều lần tìm cách hòa giải nhưng không thành. Chị nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng

không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, anh chị cũng không còn chung sống với nhau nữa, chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Đặng Duy A – sinh ngày 23/4/2003, Đặng Diệu A1 – sinh ngày 15/4/2012. Cháu A đã trên 18 tuổi nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn cháu A1 đang sống với chị nên chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu A1 cho đến khi đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập nhiều lần và thông báo phiên hòa giải nhưng bị đơn anh Đặng Quang T đều vắng mặt nên Tòa án không thể lấy lời khai của anh Đặng Quang T và không tiến hành hòa giải được.

Tại biên bản xác minh ngày 31/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện CưM'gar xác định được: Ông Đặng Quang T và bà Bàn Thị Bích C đến tạm trú tại thôn H, xã Q từ cách đây khoảng 10 năm. Trong thời gian chung sống, ông T và bà C thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã từ cách đây khoảng 05 năm, sau đó thì bà C đi đâu không rõ chỉ có ông T sinh sống tại địa phương.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Đối với Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa về cơ bản đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn thực hiện đầy đủ, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ các Điều 51, 56; 81; 82; 83; 84 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bàn Thị Bích C, chị Bàn Thị Bích C được ly hôn với anh Đặng Quang T. Về con chung: Giao con chung là cháu Đặng Diệu A1 – sinh ngày 15/4/2012 cho chị Bàn Thị Bích C trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi. Về án phí: Nguyên đơn phải nộp tiền án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con chung với bị đơn có nơi cư trú tại Thôn H, xã Q, huyện C thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện CưM'gar theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Căn cứ vào lời trình bày của đương sự và các tài liệu đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bàn Thị Bích C và anh Đặng Quang T tự nguyện đăng ký kết hôn năm 2009 tại UBND xã C, huyện C theo quy định của pháp luật, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Trong thời gian chung sống, chị C và anh T xảy ra nhiều mâu thuẫn do tính tình không hợp, quan điểm sống bất đồng; anh chị đã nhiều lần tìm cách hòa giải nhưng không có kết quả nên hiện nay anh chị đã không còn chung sống với nhau. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh Đặng Quang T nhiều lần nhưng anh T không lên làm việc; từ đó có thể thấy anh T không có thiện chí muốn hòa giải để tiếp tục quan hệ hôn nhân với chị C. Do đó, việc chị C đề nghị được ly hôn với anh T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[3.2] Về con chung: Chị Bàn Thị Bích C và anh Đặng Quang T có 02 con chung là cháu Đặng Duy A – sinh ngày 23/4/2003, Đặng Diệu A1 – sinh ngày 15/4/2012. Cháu Đặng Duy A đã trên 18 tuổi nên không đề cập giải quyết. Còn cháu Đặng Diệu A1 đang ở với chị Bàn Thị Bích C, chị C có nguyện vọng nuôi cháu A1 và cháu A1 cũng có nguyện vọng ở với mẹ. Do vậy, cần giao cháu Đặng Diệu A1 cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[3.3] Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Bị đơn không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lý trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Bàn Thị Bích C.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bàn Thị Bích C được ly hôn với anh Đặng Quang T.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Đặng Diệu A1 – sinh ngày 15/4/2012 cho chị Bàn Thị Bích C trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi.

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Bàn Thị Bích C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Đặng Quang T có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị Bàn Thị Bích C phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0013796 ngày 10/11/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện CưM'gar, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk
- VKSND huyện CưM'gar
- THADS huyện CưM'gar
- UBND xã Q
- Nguyên đơn; bị đơn
- Lưu hồ sơ vụ án
- Lưu VT

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Thị Thiên Lý